

MỤC LỤC

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1-4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5

HÀNG CÂN ĐO LẠI TOÁN

6-7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8

BÁO CÁO LỢI NHUẬN CHI TIẾT

10

TRUYỀN MŨI

11-13

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## MỤC LỤC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành trình bày Báo cáo của mình cùng với Tập các tài liệu chi tiết về chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành có địa chỉ trụ sở chính tại số 11 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành có mã số thuế doanh nghiệp là 7500000000 và mã số thuế VAT là 7500000000.

STT	Tên cơ sở kinh doanh	Vị trí địa chỉ	Số vốn đăng ký	Tỷ lệ (%)
1	Tên Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	11 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	2.585.200	75,00%
2	Vĩnh Phát	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	1.870.000	25,00%
3	Tên Công ty TNHH Công nghiệp và Thương mại Bến Thành	11 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	270.000	3,75%
	<b>Tổng</b>		<b>3.725.200</b>	<b>100,00%</b>

Vốn điều lệ: 75.000.000.000 VNĐ

Địa chỉ: 11 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-08) 3.790.7619

Fax: (84-08) 3.790.7661

Mã số thuế: 7500000000

Mọi chi tiết xin liên hệ Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành, địa chỉ như trên. Mọi chi phí vận chuyển hàng hóa và các chi phí khác do khách hàng chịu. Mọi chi phí vận chuyển hàng hóa và các chi phí khác do khách hàng chịu. Mọi chi phí vận chuyển hàng hóa và các chi phí khác do khách hàng chịu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành tiền thân là Công ty Cao su Bến Thành trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn, được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cao su Bến Thành theo Quyết định số 4800/QĐ –UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 10 năm 2006.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006483 ngày 20 tháng 04 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có điều chỉnh giấy phép như sau:*

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 12 năm 2007 thay đổi địa chỉ trụ sở chính: Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3), Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 03 năm 2009 tăng vốn điều lệ từ 40.000.000 VND lên 75.000.000.000 VND

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	2.785.200	37,14%
2	Vốn nhà nước		1.875.000	25,00%
3	Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (thành lập lại từ Công ty thuốc lá Bến Thành)	11/121 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	359.162	4,79%
4	Và 92 cổ đông khác		2.480.638	33,08%
	<b>Tổng</b>		<b>7.500.000</b>	<b>100,00</b>

• **Vốn điều lệ :** 75.000.000.000 VND

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lô B3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải, Xã Trung Lập Hạ, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-08) 3 790 7619

Fax : (84-08) 3 790 7461

Mã số thuế : **0301150295**

- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su: Băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)**

#### **• Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Huỳnh Trung Trực	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên
- Ông Nguyễn Bán	Thành viên
- Ông Phạm Văn Thành	Thành viên
- Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên
- Phan Đình Nhật Cường	Thành viên

##### **Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Lương	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Ủy viên
- Bà Trần Thị Mỹ Hạnh	Thành viên ban kiểm soát

##### **Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Bán	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Lưu Thị Tố Như	Kế toán trưởng

#### **Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### **Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo.)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN THANH - Tổng Giám đốc kiêm thành viên Ban Tổng Giám đốc

VŨ THỊ THU HƯƠNG - Giám đốc kế toán kiêm thành viên Ban Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2010, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến



Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần cao su Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng Công ty đang ghi nhận khoản lỗ trong giai đoạn trước khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ Phần như một khoản phải thu Nhà nước chờ ý kiến xử lý với số tiền 5.970.216.154 VND. Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, vấn đề nêu trên có thể thay đổi quan điểm của người đọc Báo cáo tài chính này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2010

**VÕ THẾ HOÀNG - Giám đốc điều hành**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV



**VÕ THỊ THU HƯƠNG - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.153.377.344</b>	<b>79.103.383.389</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>43.333.664.353</b>	<b>47.272.494.411</b>
1. Tiền	111		4.299.663.910	3.053.605.983
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.034.000.443	44.218.888.428
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	8.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>28.257.175.264</b>	<b>8.416.850.499</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.3	16.578.810.635	8.266.325.565
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	5.068.655.337	-
3. Các khoản phải thu khác	138	VI.5	7.170.474.975	631.610.912
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.6	(560.765.683)	(481.085.978)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.458.634.041</b>	<b>22.933.245.487</b>
Hàng tồn kho	141	VI.7	14.458.634.041	22.933.245.487
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.103.903.686</b>	<b>480.792.992</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	-	17.862.268
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		210.445.929	165.756.759
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		-	17.066.667
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.9	1.893.457.757	280.107.298
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.255.930.692</b>	<b>42.303.863.657</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.414.893.569</b>	<b>39.719.658.492</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	34.164.943.432	35.436.771.180
- Nguyên giá	222		71.257.054.883	67.252.244.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.092.111.451)	(31.815.473.235)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	3.350.137	4.472.042
- Nguyên giá	228		11.219.048	11.219.048
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.868.911)	(6.747.006)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	246.600.000	4.278.415.270
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.731.202.120</b>	<b>364.327.766</b>
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252	VI.13	331.202.120	364.327.766
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.14	8.400.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.109.835.003</b>	<b>2.219.877.399</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.15	2.007.904.653	2.219.877.399
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.16	101.930.350	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>141.409.308.036</b>	<b>121.407.247.046</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.596.464.629</b>	<b>16.579.230.492</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.391.336.229</b>	<b>16.261.230.492</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.17	3.300.000.000	4.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	VI.18	2.605.008.024	3.436.763.038
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.19	175.611.720	110.825.856
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.20	1.922.178.895	152.272.850
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.21	1.424.810.849	898.299.873
6. Chi phí phải trả	316	VI.22	1.265.578.000	1.146.158.289
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.23	5.710.862.703	6.242.598.936
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	VI.24	987.286.038	274.311.650
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.205.128.400</b>	<b>318.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.25	318.000.000	318.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.26	4.887.128.400	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>VI.27</b>	<b>118.812.843.407</b>	<b>104.828.016.554</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>		<b>119.364.166.180</b>	<b>105.766.429.726</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.000.000.000	75.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.640.000.000	30.640.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.443.997.496	1.767.739.258
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		575.643.617	283.308.695
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.704.525.067	(1.924.618.227)
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>(551.322.773)</b>	<b>(938.413.172)</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		(551.322.773)	(938.413.172)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>141.409.308.036</b>	<b>121.407.247.046</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại (USD)		17.955,13	21.572,33

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010



**NGUYỄN VĂN THANH**  
Tổng Giám đốc

**LƯU THỊ TÓ NHƯ**  
Kế toán trưởng

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2009

(Có so sánh số liệu năm 2008)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	74.925.580.821	50.643.163.942
2. Các khoản giảm trừ	03	VII.1	303.411.840	149.981.892
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	74.622.168.981	50.493.182.050
4. Giá vốn hàng bán	11		54.696.037.486	38.600.092.147
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.926.131.495	11.893.089.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.2	5.654.740.268	7.191.157.662
7. Chi phí tài chính	22	VII.3	676.163.931	563.854.500
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		23.071.032	329.646.753
8. Chi phí bán hàng	24	VII.4	9.555.708.447	5.999.657.378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	5.479.161.065	4.777.808.178
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.869.838.320	7.742.927.509
11. Thu nhập khác	31	VII.6	164.840.296	66.519.093
12. Chi phí khác	32	VII.7	2.509.351	13.848.675
13. Lợi nhuận khác	40		162.330.945	52.670.418
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		10.032.169.265	7.795.597.927
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.327.644.198	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>8.704.525.067</u>	<u>7.795.597.927</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>1.337,62</u>	<u>1.176,69</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010



**NGUYỄN VĂN THANH**  
Tổng Giám đốc

**LƯU THỊ TỐ NHƯ**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.032.169.265	7.795.597.927
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.277.760.121	2.288.998.286
- Các khoản dự phòng	03		79.679.705	747.372.628
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(20.162.638)
- Chi phí lãi vay	06		23.071.032	329.646.753
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		15.412.680.123	11.141.452.956
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.579.820.028)	8.946.464.521
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.474.611.446	(13.174.542.404)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(801.224.822)	(9.129.811.266)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		229.835.014	(485.702.276)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(23.071.032)	(329.646.753)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(73.906.651)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	59.481.055
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(580.338.320)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		2.639.104.050	(3.552.642.487)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		27.004.802	(6.208.773.416)
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(16.400.000.000)	(2.217.064)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		33.125.646	34.087.018
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.574.807.044	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(10.765.062.508)	(6.176.903.462)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	65.640.000.000
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.887.128.400	6.231.182.664
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(700.000.000)	(14.759.211.325)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.551.042.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		4.187.128.400	52.560.929.339
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(3.938.830.058)	42.831.383.390
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		47.272.494.411	4.420.948.383
Ảnh hưởng của thay đổi chênh lệch tỷ giá	61		-	20.162.638
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	VI.1	43.333.664.353	47.272.494.411

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010



**NGUYỄN VĂN THANH**  
Tổng Giám Đốc

**LƯU THỊ TỐ NHƯ**  
Kế toán trưởng



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2009

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ Phần Cao Su Bến Thành (gọi tắt là Công ty).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất băng tải, dây courroie, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật. Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp. Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ. Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá. Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc. Xây dựng công trình dân dụng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh nhà.

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

##### 1. Năm tài chính

Các năm tài chính tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ ba của Công ty Cổ phần.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2008 là: 16.977 VND/USD

Ngày 31/12/2009 là: 17.941 VND/USD

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

---

### **III. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

### **IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

### **V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

#### **3. Khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

---

### 5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Các chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ được Công ty phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng thời gian phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính của từng loại dụng cụ.

### 6. Tài sản cố định và Khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

#### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng, bằng giá trị xác định lại khi xác định giá trị doanh nghiệp chia cho thời gian hữu dụng ước tính của đơn vị.

Số năm khấu hao của các nhóm tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

### 7. Tài sản cố định vô hình

Giá trị thương hiệu Elephant được khấu trong 10 năm.

### 8. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất là 12 năm.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo.

Công ty đăng ký thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 05 tháng 07 năm 2007.

Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% thuế phải nộp.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ của Công ty được trích lập khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Năm 2009 Công ty chưa trích lập các quỹ do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông do đó quỹ khen thưởng phúc lợi có số dư âm (-).

### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền</b>	<b>4.299.663.910</b>	<b>3.060.605.983</b>
<i>Tiền mặt</i>	<i>1.643.259.766</i>	<i>360.867.155</i>
Tiền mặt VND	1.643.259.766	360.867.155
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>2.656.404.144</i>	<i>2.692.738.828</i>
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Củ Chi	1.236.302.097	1.204.450.749
- Tiền VND	1.234.288.220	1.202.476.324
- Tiền USD quy đổi sang VND	2.013.877	1.974.425
Ngân hàng Kỹ Thương	872.018.173	376.926.000
- Tiền VND	647.630.804	21.325.079
- Tiền USD quy đổi sang VND	224.387.369	355.600.921
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển - Sở giao dịch II	298.417.778	9.929.801
- Tiền VND	202.686.037	1.271.701
- Tiền USD quy đổi sang VND	95.731.741	8.658.100
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Quận 11	249.666.096	1.065.699.160
- Tiền VND	249.666.096	1.065.699.160
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn	-	28.733.118



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền VND</i>	-	28.733.118
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	-	-
<i>Tiền VND</i>	-	-
<b>Tiền đang chuyển</b>	<b>-</b>	<b>7.000.000</b>
Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Củ Chi	-	7.000.000
<i>Tiền VND</i>	-	7.000.000
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>39.034.000.443</b>	<b>44.218.888.428</b>
<i>Tiền VND gửi ngân hàng Kỹ Thương</i>	<i>14.911.883.333</i>	<i>44.218.888.428</i>
<i>Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng đầu tư &amp; Phát triển VN-CN sở GD 2</i>	<i>21.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng Á Châu</i>	<i>3.122.117.110</i>	<i>-</i>
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>43.333.664.353</b>	<b>47.272.494.411</b>
<b>2. Đầu tư ngắn hạn</b>		
- Cho Công ty TNHH Kỹ thuật Cao su Nhựa vay	2.500.000.000	-
- Cho Ông Nguyễn Thanh Phương vay	5.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>3. Phải thu khách hàng</b>		
- Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	-120.562.534	120.562.534
- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng Long An	1.758.207.000	342.483.952
- Globetech Manufacturing INC	-	842.059.200
- Công ty tuyển than Hòn gai	49.468.000	231.221.590
- Công ty than Khe Châm	446.180.000	235.880.000
- Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả	-	304.186.000
- Công ty xi măng Hoàng Mai	-	371.250.000
- Công ty xây dựng và xi măng Quảng Ninh	-	744.375.500
- Công ty Cosevco Sông Ganh	-	158.889.500
- Công ty xi măng Chinfon Hải Phòng	99.550.000	645.342.500
- Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn	102.058.000	329.120.000
- Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ	-	248.875.000
- Công ty Luks xi măng Thiên Thiên Huế	3.150.007.850	366.300.000
- Công ty khoán sản Becamex	216.359.000	-
- Công ty Xi măng bút sơn	1.764.152.280	-
- Công ty thang Quang Hanh	1.530.991.000	-
- Khách hàng khác	7.341.274.971	3.325.779.789
<b>Cộng</b>	<b>16.578.810.635</b>	<b>8.266.325.565</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP TV TK XD Hoàng Ân	181.436.937	-
- Tung Yu Hydraulic Machinery Co., Ltd	4.887.128.400	-
<b>Cộng</b>	<b>5.068.565.337</b>	<b>-</b>

### 5. Khoản phải thu khác

- Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	4.000.000	4.000.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Cao Su 30-4	807.372.746	250.199.837
- Phải thu về cổ phần hóa	365.886.075	365.886.075
- Khoản lỗ phát sinh trong giai đoạn Nhà nước trước khi chuyển sang Công ty Cổ phần	5.970.216.154	-
- Văn phòng luật sư Hoàn Kiếm	-	8.025.000
- Phải thu khác	23.000.000	3.500.000
<b>Cộng</b>	<b>7.170.474.975</b>	<b>631.610.912</b>

### 6. Dự phòng phải thu khó đòi

- Công ty TNHH I.5	49.000.470	70.000.470
- Công ty TNHH sản xuất thương mại Nam Anh	60.281.267	60.281.267
- Công ty TNHH Gia Thịnh	342.779.242	342.779.241
- Văn phòng luật sư Hoàn Kiếm	-	8.025.000
- Công ty TNHH TM-XD Thái nguyên	3.290.000	-
- Công ty Công nghiệp ắc quy CENE	16.730.000	-
- Công ty TNHH TM - DV điện tử CN & ĐT	11.236.000	-
- Công ty TNHH XD-TM VT Hương Loan	4.884.922	-
- Công ty Đại Lâm	48.938.400	-
- Cơ sở Thùy Liên	7.960.957	-
- Mô đá Trường Tân	1.526.000	-
- Công ty TNHH SX-TM VV Việt Vân	14.138.425	-
<b>Cộng</b>	<b>560.765.683</b>	<b>481.085.978</b>

### 7. Hàng tồn kho

- Nguyên vật liệu	8.770.208.166	14.182.351.011
- Công cụ, dụng cụ	137.552.127	73.862.379
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.606.992.938	1.646.971.757
- Thành phẩm	2.162.308.702	4.286.318.874
- Hàng gửi đi bán (*)	1.781.572.108	2.743.741.466
<b>Cộng</b>	<b>14.458.634.041</b>	<b>22.933.245.487</b>

(\*) Chưa nhận được xác nhận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BỀN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
- Công cụ, dụng cụ	12.579.718	-	12.579.718	-
- Chi phí dịch vụ	5.282.550	61.729.880	67.012.430	-
<b>Cộng</b>	<b>17.862.268</b>	<b>61.729.880</b>	<b>79.592.148</b>	<b>-</b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

<b>Tạm ứng</b>	<b>705.136.000</b>	<b>218.492.000</b>
- Trần Minh Danh	461.900.000	40.000.000
- Trần Ngọc Tân	-	120.000.000
- Hồ Chánh Trực	-	30.800.000
- Nguyễn Minh Thái	113.236.000	-
- Nguyễn Thị Thanh Thủy	113.000.000	-
- Cá nhân khác	17.000.000	27.692.000
<b>Ký quỹ ký cược</b>	<b>1.188.321.757</b>	<b>59.415.250</b>
- Ký quỹ ngân hàng Công Thương	9782300	59.415.250
- Ký quỹ ngân hàng TM CP Kỹ Thương	38209497	-
- Ký quỹ ngân hàng TM CP Kỹ Thương	1.140.329.960	-
<b>Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	<b>-</b>	<b>2.200.048</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.893.457.757</b>	<b>280.107.298</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	12.599.168.570	49.798.909.268	4.538.209.611	315.956.966	67.252.244.415
2. Tăng trong năm	-	4.003.156.200	575.432.000	49.198.268	4.627.786.468
3. Giảm trong năm	-	575.432.000	47.544.000	-	622.976.000
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>12.599.168.570</b>	<b>53.226.633.468</b>	<b>5.066.097.611</b>	<b>365.155.234</b>	<b>71.257.054.883</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>					
1. Số đầu năm	4.415.320.061	25.617.180.213	1.689.199.020	93.773.941	31.815.473.235
2. Tăng trong năm	512.027.208	4.212.833.205	498.475.500	53.302.303	5.276.638.216
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>4.927.347.269</b>	<b>29.830.013.418</b>	<b>2.187.674.520</b>	<b>147.076.244</b>	<b>37.092.111.451</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Số đầu năm	8.183.848.509	24.181.729.055	2.849.010.591	222.183.025	35.436.771.180
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>7.671.821.301</b>	<b>23.396.620.050</b>	<b>2.878.423.091</b>	<b>218.078.990</b>	<b>34.164.943.432</b>

Địa chỉ: xã Phước Vĩnh, huyện Đông Minh, tỉnh Tây Ninh.

Thông tin chi tiết: Công ty nhận được sự ủy quyền báo cáo từ

Ngày 28/01/2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**11. Tài sản cố định vô hình**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị nhân hiệu</i>	<i>Cộng TSCĐ vô hình</i>
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	11.219.048	11.219.048
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>11.219.048</b>	<b>11.219.048</b>
<b>II. Hao mòn lũy kế</b>		
1. Số đầu năm	6.747.006	6.747.006
2. Tăng trong năm	1.121.905	1.121.905
3. Giảm trong năm	-	-
<b>4. Số cuối năm</b>	<b>7.868.911</b>	<b>7.868.911</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Số đầu năm	4.472.042	4.472.042
<b>2. Số cuối năm</b>	<b>3.350.137</b>	<b>3.350.137</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<i>Hạng mục</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Đầu tư trong năm</i>	<i>Kết chuyển trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
- Máy ép cao su thủy lực	716.864.400	-	716.864.400	-
- Máy ép chân không	783.108.200	-	783.108.200	-
- Máy ép đế giày	1.407.485.600	-	1.407.485.600	-
- Hệ thống điện nước	321.617.070	-	321.617.070	-
- Máy cán 2 trục	288.750.000	-	288.750.000	-
- Máy ép thủy lực TQ	760.590.000	-	760.590.000	-
- Hệ thống hút bụi	-	246.600.000	-	246.600.000
<b>Cộng</b>	<b>4.278.415.270</b>	<b>246.600.000</b>	<b>4.278.415.270</b>	<b>246.600.000</b>

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Góp vốn liên doanh vào Nông trường 30 – 4	694.809.283	692.013.699
Khấu hao vườn cao su	(363.607.163)	(327.685.933)
<b>Cộng</b>	<b>331.202.120</b>	<b>364.327.766</b>

Đây là khoản liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cao su 30 – 4 Tây Ninh thành lập Nông trường cao su liên kết Phước Ninh. Theo hợp đồng liên kết kinh tế số 01/HDLKKT ngày 25 tháng 07 năm 1993 Với tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50%.

Địa chỉ : xã Phước Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong năm 2009, Công ty nhận được lãi từ hoạt động liên kết là 1.457.780.401 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 14. Đầu tư dài hạn khác 8.400.000.000

Công ty mua 700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Đông Dương.

- Mệnh giá : 10.000
- Giá mua : 12.000

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng	22.182.999	-	22.182.999	-
- Công cụ, dụng cụ	901.412.700	415.162.263	496.165.312	820.409.651
- Tiền thuê đất	1.296.281.700	-	121.526.400	1.174.755.300
- Tiền thuê đất	-	12.739.702	-	12.739.702
<b>Cộng</b>	<b>2.219.877.399</b>	<b>427.901.965</b>	<b>639.874.711</b>	<b>2.007.904.653</b>

### 16. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ Bảo lãnh bảo hành sản phẩm	101.930.350	-
+ Công ty Xi măng Thăng Long	34.366.850	-
+ Công ty Yên Bình	14.447.400	-
+ Công ty Xi măng Cẩm Phả - CN PB	37.125.000	-
+ Công ty Xi măng Fico	15.991.100	-
- Tài sản dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>101.930.350</b>	<b>-</b>

### 17. Vay và nợ ngắn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	4.000.000.000	-	700.000.000	3.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>700.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>

(\*) Khoản nợ dài hạn đến hạn trả từ Quỹ Đầu tư và Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ủy thác số 149/2002/HĐTD-UT/QĐT ngày 06 tháng 09 năm 2002.

Lãi suất : 0%

Phí ủy thác : 0,07%/tháng

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, ưu tiên trả nợ gốc cho Quỹ đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-I Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Bảo Tượng (*)	174.523.707	315.990.707
- Công ty TNHH một thành viên cao su 30/4 (*)	429.043.800	517.404.900
- Cơ sở chế biến cao su thiên nhiên	-	81.375.000
- Công ty TNHH VT - XD Vĩ Phong	-	-
- Công ty VLXD Xây Lắp Thương Mại	1.290.073.813	1.290.073.813
- Công ty TNHH TM - DV Mai Thiên Phát	-	220.500.000
- Công ty TNHH MTV DV - TM Khôi Nghi	171.990.000	-
- DNTN Kim Tuyền	129.659.960	-
- Công ty khác (*)	409.716.744	1.011.418.618
<b>Cộng</b>	<b><u>2.605.008.024</u></b>	<b><u>3.436.763.038</u></b>

(\*) Đã nhận được thư xác nhận 1.066.637.467 VND.

**19. Người mua trả trước**

- Xưởng cơ khí Cao Lãnh	105.162.000	-
- Công ty Thanh Thang	70.449.720	-
- Nitor Projects (ASIA) PTE LTD	-	110.825.856
<b>Cộng</b>	<b><u>175.611.720</u></b>	<b><u>110.825.856</u></b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

STT	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
<b>I. Thuế</b>	<b>135.206.183</b>	<b>7.139.850.636</b>	<b>5.352.877.924</b>	<b>1.922.178.895</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	3.969.474.494	3.616.186.274	353.288.220
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.188.953.307	1.025.789.242	163.164.065
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(17.066.667)	1.327.644.198	73.906.651	1.236.670.880
3. Thuế xuất nhập khẩu	-	335.561.396	299.861.049	35.700.347
4. Tiền thuê đất	94.546.800	-	24.426.000	70.120.800
5. Các loại thuế khác	57.726.050	318.217.241	312.708.708	63.234.583
- Thuế thu nhập cá nhân	57.726.050	314.117.241	308.608.708	63.234.583
- Thuế môn bài	-	4.100.000	4.100.000	-
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>135.206.183</u></b>	<b><u>7.139.850.636</u></b>	<b><u>5.352.877.924</u></b>	<b><u>1.922.178.895</u></b>

**• Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng
  - + Doanh thu xuất khẩu : 0%
  - + Doanh thu bán cao su nguyên liệu : 5%
  - + Doanh thu bán thành phẩm : 10%



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

• <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				
(Xem thuyết minh số V.12)				
• <b>Các loại thuế khác</b>				
Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.				
<b>21. Phải trả người lao động</b>		<b>1.424.810.849</b>		
Tiền lương phải trả người lao động.				
<b>22. Chi phí phải trả</b>				
		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	
– Quỹ Đầu tư Phát Triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh		750.019.063	750.019.063	
– Hoa hồng bán hàng		515.558.937	396.139.226	
<b>Cộng</b>		<b>1.265.578.000</b>	<b>1.146.158.289</b>	
<b>23. Phải trả phải nộp khác</b>				
– Kinh phí công đoàn		529.618	17.482.336	
– Bảo hiểm xã hội		9.218.040	-	
– Phải trả về cổ phần hóa		420.125.000	420.125.000	
– Cổ tức phải trả		106.438.000	398.958.000	
– Công ty TNHH Hồng Mã Nghi		120.000.000	120.000.000	
– Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn		5.000.000.000	5.000.000.000	
– Trần Ngọc Tân		-	120.000.000	
– Phải trả khác		54.552.045	166.033.600	
<b>Cộng</b>		<b>5.710.862.703</b>	<b>6.242.598.936</b>	
<b>24. Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>				
Tiền bảo hành sửa chữa sản phẩm		987.286.038	274.311.650	
<b>Cộng</b>		<b>987.286.038</b>	<b>274.311.650</b>	
<b>25. Phải trả dài hạn khác</b>				
Ông Phạm Viết Huỳnh ký quỹ thuê văn phòng		318.000.000	318.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>318.000.000</b>	<b>318.000.000</b>	
<b>26. Vay và nợ dài hạn</b>				
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Đã trả trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Ngân hàng kỹ thương	-	4.887.128.400	-	4.887.128.400
<b>Cộng</b>	-	<b>4.887.128.400</b>	-	<b>4.887.128.400</b>

Công ty vay 272,400.00 USD của ngân hàng Kỹ Thương để mua máy lưu hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**27. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu và các quỹ**

Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	105.640.000.000	-	-	105.640.000.000
Vốn cổ phần	75.000.000.000	-	-	75.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	30.640.000.000	-	-	30.640.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	(1.924.618.227)	8.704.525.067	(1.924.618.227)	8.704.525.067
Các quỹ	1.112.634.781	4.053.517.927	697.834.368	4.468.318.340
Quỹ đầu tư phát triển	1.767.739.258	2.876.258.238	200.000.000	4.443.997.496
Quỹ dự phòng tài chính	283.308.695	292.334.922	-	575.643.617
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(938.413.172)	884.924.767	497.834.368	(551.322.773)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>104.828.016.554</b>	<b>12.758.042.994</b>	<b>(1.226.783.859)</b>	<b>118.812.843.407</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn nhà nước	18.750.000.000	18.750.000.000
- Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	3.591.620.000	3.591.620.000
- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	21.000.000.000	21.000.000.000
- Tập đoàn cao su Công Nghiệp Việt Nam	7.200.000.000	7.200.000.000
- Các cổ đông khác	24.458.380.000	24.458.380.000
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	7.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.500.000	7.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	7.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	7.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Lợi nhuận chưa phân phối**

- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang		(1.924.618.227)
+ Lỗ lũy kế từ giai đoạn trước cổ phần hóa		(5.970.216.154)
+ Lãi chưa phân phối năm trước		4.045.597.927
- Lợi nhuận chưa phân phối phát sinh trong năm	8.704.525.067	
- Phân phối lợi nhuận	4.045.597.927	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.876.258.238	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	292.334.922	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	877.004.767	
- Khoản lỗ phát sinh trước cổ phần hóa chờ quyết toán	(5.970.216.154)	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối chuyển sang năm sau</b>	<b>8.704.525.067</b>	

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng nội địa	70.873.125.674	45.275.787.276
- Doanh thu bán hàng xuất khẩu	3.083.364.245	4.419.831.213
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	969.090.902	947.545.453
- Các khoản giảm trừ	303.411.840	149.981.892
+ Hàng bán bị trả lại	168.411.840	149.981.892
+ Giảm giá hàng bán	135.000.000	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>74.622.168.981</u></b>	<b><u>50.493.182.050</u></b>

**2. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.119.171.789	5.977.404.209
- Lãi chênh lệch tỷ giá	77.788.078	51.072.585
- Lãi liên doanh	1.457.780.401	1.162.680.868
<b>Cộng</b>	<b><u>5.654.740.268</u></b>	<b><u>7.191.157.662</u></b>

**3. Chi phí tài chính**

- Lãi vay	23.071.032	329.646.753
- Chi phí ủy thác	23.359.000	39.755.333
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	495.466.674	32.912.157
- Chi phí tài chính khác	134.267.225	161.540.257
<b>Cộng</b>	<b><u>676.163.931</u></b>	<b><u>563.854.500</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.460.238.845	1.078.837.180
- Chi phí vật liệu bao bì	187.104.008	164.901.591
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.120.273	12.832.174
- Chi phí khấu hao TSCĐ	51.072.252	23.498.769
- Chi phí bảo hành	818.026.508	397.869.767
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.841.096.652	4.187.791.904
- Chi phí bằng tiền khác	174.491.356	132.259.505
- Chi phí chào hàng mẫu	6.558.553	1.666.488
<b>Cộng</b>	<b>9.555.708.447</b>	<b>5.999.657.378</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	2.595.320.014	2.048.477.767
- Chi phí đồ dùng văn phòng	41.200.605	27.181.704
- Chi phí khấu hao	324.529.040	209.106.966
- Chi phí lập dự phòng	3.000.000	473.060.978
- Thuế, phí, lệ phí	87.704.705	6.903.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.884.940.891	1.273.948.924
- Chi phí bằng tiền khác	542.465.810	739.128.839
<b>Cộng</b>	<b>5.479.161.065</b>	<b>4.777.808.178</b>

### 6. Thu nhập khác

- Lãi trả chậm được miễn	10.687.226	-
- Lãi quá hạn được miễn	138.325.210	-
- Thu nhập khác	15.827.860	66.519.093
<b>Cộng</b>	<b>164.840.296</b>	<b>66.519.093</b>

### 7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế	10.032.169.265
Thuế TNDN phải nộp	2.508.042.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	1.180.398.119
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh được miễn giảm 50% tăng quỹ đầu tư	611.407.748
- Thuế TNDN được giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC	568.990.371
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.327.644.198</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Nghiệp vụ các bên liên quan

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 chi tiết như sau:

Tên Công ty	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền phải (phải trả)
Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ		5.000.000.000
<i>Cộng</i>			<i>(5.000.000.000)</i>

#### 2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	68,00	65,16
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	32,00	34,84
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	15,98	13,66
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	84,02	86,34
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	6,26	7,32
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	5,53	4,86
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,49	2,91
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	13,44	15,44
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	11,66	15,44
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,09	6,42
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,16	6,42

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH**

Lô B 3-1 Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hải, xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010



**NGUYỄN VĂN THANH**  
Tổng Giám Đốc

**LƯU THỊ TỐ NHƯ**  
Kế Toán Trưởng